

Hong Kong Lawn Bowls Association  
Bowler of the Year 2004

3/6/2011

Name			Triples					Pairs					Fours					Singles					Knockout Singles					Points														
			R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4		Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F				
1	D. HO	HKFC		1	1		2						1	1	1	1	2	4									1	1	1	1									31			
2	A. POYNTON	KBGC									1	1																1	1	1	1									25		
3	R. CHOK	CCC			1						1	1	1	2	4	8												1	1											23		
4	K. CHAN	HKYDT	1	1	1		2	4	8		1	1	1														1													23		
5	D. HA	KCC		1	1		2	4																				1	1	1	1	2								23		
6	J. WONG	CCC									1	1	1	2	4	8												1	1											22		
7	C.Y. YU	FC									1																1	1												22		
8	J. NG	HKYDT	1	1	1		2	4	8		1	1	1																											22		
9	T. TONG	HKFC	1	1	1																																			21		
10	N. KENNEDY	KBGC	1	1	1		2	4	8		1	1																												21		
11	C.P. SO	FC									1																														17	
12	R. HO	FC																																							17	
13	A. FERNANDES	CdeR	1	1	1		2																				1	1	1												16	
14	M. CHOW	FC																																							16	
15	J. CHIU	KCC	1								1	1	1	1	2	4																									15	
16	P.T. LEE	CLP	1	1	1		2				1	1	1																												14	
17	S. BUGO	CdeR	1	1	1		2																																		13	
18	D. NG	KBGC									1	1	1	2														1														12
19	J. KEUNG	HKFC			1		2																																		10	
20	R. LEUNG	KBGC									1	1	1	2																											9	
21	D. KARAMDIN	KCC		1	1		2	4																																	9	
22	M. ANTUNES	CdeR																																							8	
23	N. NORONHA	CdeR																																							8	
24	J. CHENG	FC									1	1	1	2																											8	
25	S.K. NG	HEGSC	1	1																																					8	

Hong Kong Lawn Bowls Association  
 Bowler of the Year 2004

3/6/2011

Name			Triples				Pairs				Fours				Singles				Knockout Singles				Points							
			R1	R2	R3	R4	Q	S	F	R1	R2	R3	R4	Q	S	F	R1	R2	R3	R4	Q	S		F	R1	R2	R3	R4	Q	S
26	P. LAI	HKFC		1	1		2								1	1		2												8
27	Y.S. LEUNG	HKFC	1	1	1										1	1		2			1									8
28	C.S. NGAI	HKP	1	1					1	1	1												1	1	1					8
29	G. HAMET	KCC		1	1		2	4																						8
30	P. CHOI	KCC	1	1	1				1	1	1				1						1									8
31	C. IMESON	KCC								1	1	1								1					1	1	1	1		8
32	O. ADEM	CCC													1	1					1	1	1	2						7
33	J. LUNN	KBGC							1	1					1	1	1				1	1								7
34	D. CHOK	CCC	1	1	1										1						1				1					6
35	S. LAI	CLBC	1	1	1					1	1															1				6
36	M.H. SZE	FC								1	1	1			1						1	1								6
37	W.S. CHAN	HKFC	1	1	1										1									1	1					6
38	K. SO	VLBC																						1	1	1	1	2		6
39	C.W. LAM	CLBC	1	1	1					1	1																			5
40	D. WU	FC								1	1	1			1						1									5
41	T.W. MAK	FC			1					1	1				1						1									5
42	A. CHENG	HKP	1	1					1	1	1																			5
43	C.M. CHAN	USRC								1	1	1	2																	5
44	A. WONG	CCC								1	1				1	1														4
45	K.K. YEUNG	HKP	1	1											1	1														4
46	A. ROBERTSON	KBGC													1	1		2												4
47	S. CHIU	KBGC													1	1		2												4
48	H. WAI	USRC																			1	1	1	1						4
49	C.H.LUI	AYFP																							1	1	1			3
50	S. MA	CLBC	1	1	1																									3

Hong Kong Lawn Bowls Association  
 Bowler of the Year 2004

3/6/2011

Name			Triples				Pairs				Fours				Singles				Knockout Singles				Points										
			R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F		F	R 1	R 2	R 3	R 4	Q F	S F	F		
51	M.S. CHAN	GLBC	1	1	1																												3
52	T. WONG	GLBC	1	1	1																												3
53	W.S. LO	GLBC	1	1	1																												3
54	L. FERNANDES	HKFC																	1	1					1								3
55	K. KADIR	IRC								1	1	1																					3
56	S.M. WAN	IRC																	1	1	1												3
57	B. LEUNG	KBGC													1	1	1																3
58	C. NAM	KBGC							1	1									1														3
59	E. CHAN	KBGC													1	1	1																3
60	G. KNOWLES	KBGC													1	1	1																3
61	W. KWOK	KBGC																	1	1	1												3
62	L. D'SOUZA	KCC								1	1	1																					3
63	T. KWONG	KCC							1	1	1																						3
64	D. YU	VLBC							1	1	1																						3
65	K. YU	VLBC							1	1	1																						3
66	C. LAM	CCC													1	1																	2
67	C.L. LAM	CCC													1	1																	2
68	Y.K. KAN	CCC								1	1																						2
69	M.D. RANDALL	CdeR																	1	1													2
70	I.C. UN	FC								1	1																						2
71	P. SIN	FC																	1	1													2
72	E. YIM	HKP														1	1																2
73	R. LAW	HKP														1	1																2
74	Chadwick CHEN	KCC	1													1																	2
75	J. CHOW	TPNBC								1	1																						2